

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Tuyết Thanh
2. Bà Đào Phương Mai

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Nguyễn Thị Thanh Mai - Thư ký Tòa án quận Hoàn Kiếm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm: Bà Nguyễn Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2019; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019, về tranh chấp “Ly hôn”, giữa:

**** Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C***, sinh năm 1965.

Hộ khẩu thường trú và hiện ở: Số 30 ngõ 01 phố P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội. (Có mặt).

**** Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh T***, sinh năm 1963

Hộ khẩu thường trú và hiện ở: Số 30 ngõ 01 phố P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội - (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo Đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn - ông Nguyễn Văn C trình bày:***

Quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thanh T tự nguyện tìm hiểu, được hai gia đình đồng ý và tổ chức Lễ cưới cuối năm 1991. Đến ngày 26/12/1991 ông và bà T đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận H, Thành phố Hà Nội.

Sau khi cưới, vợ chồng ông ở tại số 30 ngõ 01 phố P, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội là nhà của bố mẹ ông.

Quá trình chung sống ông bà hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình, cách sống không hòa hợp. Ông nóng tính, bà T hay nói nhiều dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát không có tiếng nói chung. Nhiều lần ông C cố gắng khắc phục và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không cải thiện được. Năm 2017 vợ chồng ông lại

xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nên ông đã viết đơn ly hôn nhưng bà T không ký vào đơn nên ông lại thôi, nhưng từ đó đến nay cuộc sống vợ chồng không cải thiện được mà vẫn luôn mâu thuẫn. Ông làm nghề chài lưới đánh cá dưới Sông H, mỗi lần ông đi đánh cá khoảng 2 - 3 ngày hoặc thậm chí một tuần ông mới về nhà. Mỗi lần ông về nhà, ông và bà T lại cãi nhau. Do bà T luôn nghi ngờ ông có quan hệ với người phụ nữ khác. Đã nhiều lần ông giải thích cho bà T nhưng bà T vẫn không tin tưởng ông. Ông và bà T đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, ông sống dưới thuyền, còn bà T ở nhà.

Đến khoảng tháng 6 năm 2019 ông và bà T xảy ra mâu thuẫn căng thẳng do bà T có những lời lẽ xúc phạm ông, ông không chịu được nên đã đập phá đồ đạc trong gia đình, chính quyền phường và tổ dân phố phải đến can thiệp.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu không có khả năng đoàn tụ. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà T.

Về con chung: Ông và bà T có ba con chung tên là Nguyễn Tuyết T, sinh ngày 04/01/1992; Nguyễn Thu H, sinh ngày 17/7/1997 và Nguyễn Đức V, sinh ngày 08/10/1998.

Các con của ông bà đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung:

+ Động sản: Ông và bà T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bất động sản: Nhà 30 ngõ 01 P, phường P, quận H, Hà Nội, nguồn gốc là nhà của bố mẹ ông cho vợ chồng ông. Hiện nhà chưa được cấp “Sổ đỏ”. Sau khi ly hôn, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về nhà ở.

Về công nợ chung: Ông và bà T không vay nợ ai, không ai nợ ông bà, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn - bà Nguyễn Thanh T:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà T nhưng bà T đều vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Bà T chỉ gửi Đơn đến Tòa án không đồng ý ly hôn với ông C.

Tại phiên tòa:

* **Nguyên đơn - ông Nguyễn Văn C trình bày:** Ông vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày ở trên.

* **Bị đơn - bà Nguyễn Thanh T:** Đã được Tòa án triệu tập họp lệ phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm:** Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến độ giải quyết vụ án và thời gian chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu; Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thanh T đều đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ về phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn C và cho ông C được ly hôn với bà Nguyễn Thanh T. Về con chung: Ông C và bà T có 03 con chung. Các con của ông bà đều đã trưởng thành nên không xét. Về tài sản chung: Động sản và bất động sản ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của đại diện Viện kiểm sát, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy báo, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp nhận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thanh T vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thanh T tự nguyện tìm hiểu. Được hai bên gia đình đồng ý, ông bà tổ chức Lễ cưới cuối năm 1991. Ngày 26/12/1991 ông C và bà T đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận H, Thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông bà hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm, tính cách không còn phù hợp, ông C nóng tính, bà T hay nói nhiều. Trong cuộc sống vợ chồng không tin tưởng nhau, bà T luôn nghi ngờ ông C có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Ông C làm nghề chài lưới thường đi đánh cá dưới sông khoảng một tuần ông C về nhà một lần. Mỗi lần ông C về nhà thì bà T lại có những lời nói xúc phạm ông C dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi, chửi nhau chính quyền và tổ dân phố phải đến can thiệp. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn, đã nhiều lần ông C phải ở dưới thuyền mong có thời gian để cả hai suy nghĩ lại. Tuy nhiên tình cảm giữa hai người vẫn không cải thiện được. Ông C và bà T sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay ông C xác định tình cảm không còn, ông C đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Ngoài lời khai của ông C; Tòa án đã xác minh tại địa phương thể hiện ông C và bà T thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi nhau.

Xét, mâu thuẫn giữa ông C và bà T đã kéo dài nhiều năm. Đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Ông C xin ly hôn, bà T không đồng ý ly hôn với ông C. Tòa án đã báo cho bà T nhưng bà T không đến Tòa án để hòa giải. Điều đó thể hiện bà T bỏ mặc, không có ý thức hàn gắn đời sống vợ chồng. Cuộc sống chung của ông bà thực sự không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc nhưng không đạt được. Nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của mỗi bên.

Hội đồng xét xử thấy khả năng đoàn tụ của ông C và bà T không còn nên cần chấp nhận Đơn xin ly hôn của ông C đối với bà T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông C và bà T có 03 con chung tên là Nguyễn Tuyết T, sinh ngày 04/01/1992; Nguyễn Thu H, sinh ngày 17/7/1997 và Nguyễn Đức V, sinh ngày 08/10/1998.

Các con của ông C, bà T đều đã trưởng thành.

Tài sản chung: Động sản, bất động sản và vay nợ chung ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Án phí: Ông C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51; 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;
- Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn C đối với bà Nguyễn Thanh T.

Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C được ly hôn bà Nguyễn Thanh T.

2. Con chung: Ông C và bà T có ba con chung tên là Nguyễn Tuyết T, sinh ngày 04/01/1992; Nguyễn Thu H, sinh ngày 17/7/1997 và Nguyễn Đức V, sinh ngày 08/10/1998.

Các con của ông C và bà T đều đã trưởng thành.

3. Tài sản chung: Động sản, bất động sản và vay nợ chung ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xét.

4. Án phí: Ông C phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí ông đã nộp - theo Biên lai số 0003089 ngày 11/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà T vắng mặt tại phiên toà và có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDQ Hoàn Kiếm;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự Q. Hoàn Kiếm;
- UBND P.Phúc Tân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hiền Hòa